

CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG MỚI

Ban hành ngày 2 tháng 12 năm 1961, sửa đổi ngày 10 tháng 11 năm 1972, ngày 23 tháng 10 năm 1978 và ngày 19 tháng 3 năm 1991 tại Ginevra

DANH MỤC CÁC ĐIỀU KHOẢN

Chương I: Định nghĩa

Điều 1: Định nghĩa

Chương II: Nghĩa vụ chung của các Bên tham gia

Điều 2: Nghĩa vụ cơ bản của các Bên tham gia

Điều 3: Các chi và loài cây trồng được bảo hộ

Điều 4: Đối xử quốc gia

Chương III: Điều kiện cấp Quyền tác giả giống cây trồng

Điều 5: Điều kiện bảo hộ

Điều 6: Tính mới

Điều 7: Tính khác biệt

Điều 8: Tính đồng nhất

Điều 9: Tính ổn định

Chương IV: Đơn xin cấp Quyền tác giả giống cây trồng

Điều 10: Nộp đơn

Điều 11: Quyền ưu tiên

Điều 12: Thẩm định đơn

Điều 13: Bảo hộ tạm thời

Chương V: Quyền của tác giả giống cây trồng

Điều 14: Phạm vi Quyền tác giả

Điều 15: Các ngoại lệ của Quyền tác giả

Điều 16: Khai thác hết Quyền tác giả

Điều 17: Các quy định hạn chế việc thực hiện Quyền tác giả

Điều 18: Các biện pháp điều chỉnh thương mại

Điều 19: Thời hạn Quyền tác giả

Chương VI: Tên giống cây trồng

Điều 20: Tên giống cây trồng

Chương VII: Hủy bỏ và đình chỉ Quyền tác giả giống cây trồng

Điều 21: Hủy bỏ Quyền tác giả

Điều 22: Đình chỉ Quyền tác giả

Chương VIII: Hiệp hội

Điều 23: Thành viên

Điều 24: Tư cách pháp lý và Trụ sở

Điều 25: Các cơ quan

Điều 26: Hội đồng

Điều 27: Văn phòng Hiệp hội

Điều 28: Ngôn ngữ

Điều 29: Tài chính

Chương IX: Thực thi Công ước; các thỏa thuận khác

Điều 30: Thực thi Công ước

Điều 31: Quan hệ giữa các Bên tham gia Công ước và các Quốc gia tham gia các Văn kiện trước đây của Công ước

Điều 32: Các thỏa thuận đặc biệt

Chương X: Các điều khoản cuối cùng

Điều 33: Ký kết

Điều 34: Phê chuẩn, chấp thuận hay thông qua; gia nhập

Điều 35: Các ý kiến bảo lưu

Điều 36: Thông báo về pháp luật cũng như các chi và loài cây trồng được bảo hộ; công bố thông tin

Điều 37: Hiệu lực thi hành; kết thúc việc gia nhập các Văn kiện trước đây của Công ước

Điều 38: Sửa đổi Công ước

Điều 39: Bãi ước

Điều 40: Bảo toàn các quyền hiện có

Điều 41: Các văn bản gốc và chính thức của Công ước

Điều 42: Chức năng lưu trữ

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA

Điều 1. Định nghĩa

Với mục đích của Văn kiện này:

(i) “Công ước này” là Văn kiện hiện hành (1991) của Công ước Quốc tế về Bảo hộ giống cây trồng mới;

(ii) “Văn kiện 1961/1972” là Công ước Quốc tế về Bảo hộ giống cây trồng mới ban hành ngày 2 tháng 12 năm 1961 và được sửa đổi, bổ sung ngày 10 tháng 11 năm 1972;

(iii) “Văn kiện 1978” là Văn kiện ngày 23 tháng 10 năm 1978 của Công ước Quốc tế về Bảo hộ giống cây trồng mới;

(iv) “Tác giả giống cây trồng” là

- người tạo ra hoặc phát hiện và phát triển một giống cây trồng,
- người chủ sử dụng đối tượng nêu trên hay đặt hàng đối tượng nêu trên làm công việc đó theo luật pháp của Bên tham gia có liên quan, hay
- người kế thừa hợp pháp của đối tượng thứ nhất hay thứ hai nêu trên, tùy trường hợp;

(v) “Quyền tác giả giống cây trồng” là quyền của tác giả được quy định trong Công ước

này;

(vi) “Giống cây trồng” là nhóm cây trong một đơn vị phân loại thực vật ở cấp thấp nhất được biết tới cho đến nay và nhóm này, bất luận các điều kiện cấp quyền tác giả có được đáp ứng đầy đủ hay không, có thể

- được xác định dựa trên biểu hiện của các tính trạng do một kiểu gen cụ thể hay một tổ hợp các kiểu gen quy định,
- được phân biệt với bất cứ nhóm cây nào khác dựa trên biểu hiện của ít nhất một trong số các tính trạng nêu trên, và
- được coi là một đơn vị thực vật phù hợp cho việc nhân giống mà các tính trạng của nó không bị thay đổi;

(vii) “Bên tham gia” là Quốc gia hay tổ chức liên chính phủ tham gia Công ước này;

(viii) “Lãnh thổ”, liên quan tới Bên tham gia, là lãnh thổ của Quốc gia tham gia Công ước và, trong trường hợp Bên tham gia là một tổ chức liên chính phủ, là lãnh thổ mà ở đó hiệp ước thành lập của tổ chức này được áp dụng;

(ix) “Cơ quan có thẩm quyền” là cơ quan được đề cập tại Điều 30(1)(ii);

(x) “Hiệp hội” là Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới được thành lập theo Văn kiện Công ước 1961 và được tiếp tục quy định trong Văn kiện 1972, Văn kiện 1978 và trong Công ước này;

(xi) “Thành viên Hiệp hội” là Quốc gia tham gia Văn kiện 1961/1972 hay Văn kiện 1978, hoặc là Bên tham gia.

CHƯƠNG II

NGHĨA VỤ CHUNG CỦA CÁC BÊN THAM GIA

Điều 2. Nghĩa vụ cơ bản của các Bên tham gia

Mỗi Bên tham gia phải cấp và bảo vệ quyền cho tác giả giống cây trồng.

Điều 3. Các chi và loài cây trồng được bảo hộ

(1) [*Các quốc gia đã là thành viên của Hiệp hội*] Mỗi Bên tham gia bị ràng buộc bởi Văn kiện 1961/1972 hay Văn kiện 1978 phải áp dụng các quy định của Công ước này,

(i) kể từ ngày tham gia Công ước, đối với tất cả các chi và loài cây trồng mà, cũng kể từ ngày đó, tuân theo các quy định của Văn kiện 1961/1972 hay Văn kiện 1978, và

(ii) chậm nhất là vào thời điểm kết thúc giai đoạn 5 năm sau ngày nói trên, đối với tất cả các chi và loài cây trồng.

(2) [*Các thành viên mới của Hiệp hội*] Mỗi Bên tham gia mà không bị ràng buộc bởi Văn kiện 1961/1972 hay Văn kiện 1978 phải áp dụng các quy định của Công ước này,

(i) kể từ ngày tham gia Công ước, đối với ít nhất 15 chi hoặc loài cây trồng, và,

(ii) chậm nhất là vào thời điểm kết thúc giai đoạn 10 năm kể từ ngày nói trên, đối với tất cả các chi và loài cây trồng.

Điều 4. Đối xử quốc gia

(1) [*Đối xử*] Trên cơ sở không có định kiến đối với các quyền được xác định trong Công ước này, công dân của Bên tham gia cũng như thể nhân cư trú và pháp nhân có cơ quan làm việc đã được đăng ký trên lãnh thổ của Bên tham gia phải được hưởng cùng chế độ, chính sách đối xử liên quan tới việc cấp và bảo vệ quyền tác giả giống cây trồng trên lãnh thổ của mỗi Bên tham gia khác như luật pháp của Bên tham gia đó đã quy định hoặc sẽ quy định đối với chính công dân của mình, miễn là các công dân, thể nhân hay pháp nhân này tuân thủ các điều kiện và thủ tục được quy định cho công dân của Bên tham gia nói trên.

(2) [*“Công dân”*] Với mục đích nêu ở đoạn trên, “công dân” là công dân của Quốc gia tham gia Công ước và, trong trường hợp Bên tham gia là một tổ chức liên chính phủ, là công dân của Quốc gia thành viên trong tổ chức đó.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KIỆN CẤP QUYỀN TÁC GIẢ GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 5. Điều kiện bảo hộ

(1) [*Các điều kiện phải thỏa mãn*] Quyền tác giả sẽ được cấp khi giống cây trồng:

- (i) mới,
- (ii) khác biệt,
- (iii) đồng nhất và
- (iv) ổn định.

(2) [*Các điều kiện khác*] Việc cấp quyền tác giả không đòi hỏi phải có thêm bất cứ điều kiện nào khác, miễn là giống được đặt tên theo đúng quy định tại Điều 20, người nộp đơn tuân thủ các thủ tục được quy định trong luật pháp của Bên tham gia nơi cơ quan có thẩm quyền liên quan đã nhận đơn và người đó trả các khoản phí theo yêu cầu.

Điều 6. Tính mới

(1) [*Các điều kiện*] Một giống cây trồng được coi là mới nếu tại ngày nộp đơn xin cấp quyền tác giả, vật liệu nhân hoặc vật liệu thu hoạch của giống chưa được bán hay cung cấp cho người khác bởi chính tác giả hay với sự đồng ý của tác giả nhằm mục đích khai thác giống đó

- (i) trên lãnh thổ của Bên tham gia nơi đơn được nộp hơn một năm trước ngày nộp đơn và
- (ii) trên lãnh thổ khác không phải của Bên tham gia nơi đơn được nộp hơn bốn năm hay, đối với các loại cây thân gỗ và cây leo thân gỗ, hơn sáu năm trước ngày đó.

(2) [*Các giống cây trồng được tạo ra gần đây*] Trong trường hợp Bên tham gia áp dụng Công ước đối với một chi hay loài cây trồng mà chưa từng áp dụng Công ước này hay một Văn kiện trước đó, thì giống tạo ra gần đây và vẫn tồn tại vào ngày xin được bảo hộ có thể coi là thỏa mãn điều kiện về tính mới theo quy định tại khoản (1) kể cả khi giống này đã được bán hay cung cấp cho người khác trước thời hạn xác định trong khoản đó.

(3) [*“Lãnh thổ” trong một số trường hợp*] Với mục đích của khoản (1), tất cả các Bên tham gia là Quốc gia thành viên của cùng một tổ chức liên chính phủ có thể phối hợp, trong trường hợp quy chế của tổ chức đó yêu cầu, để thống nhất hành vi trên lãnh thổ của các Quốc gia thành viên với hành vi trên lãnh thổ riêng của từng Quốc gia và nếu làm như vậy thì họ phải thông báo với Tổng Thư ký.

Điều 7. Tính khác biệt

Giống cây trồng được coi là khác biệt nếu giống đó được phân biệt một cách rõ ràng với bất kỳ một giống nào khác được biết đến rộng rãi vào thời điểm nộp đơn xin cấp quyền tác giả. Đặc biệt, việc nộp đơn cấp quyền tác giả giống cây trồng hoặc yêu cầu đăng ký vào danh sách chính thức các giống cây trồng ở nước bất kỳ phải được coi là khiến cho giống cây đó được biết đến rộng rãi từ ngày nộp đơn nếu các đơn này dẫn tới việc cấp quyền tác giả giống cây trồng hoặc ghi nhận giống cây đó vào danh mục chính thức, tùy trường hợp cụ thể.

Điều 8. Tính đồng nhất

Giống cây trồng được coi là đồng nhất nếu nó đạt mức độ đồng đều theo yêu cầu về những tính trạng liên quan, tùy thuộc vào những biến đổi có thể xảy ra do các đặc điểm cụ thể của việc nhân giống.

Điều 9. Tính ổn định

Giống cây trồng được coi là ổn định nếu các tính trạng liên quan không bị thay đổi sau các lần nhân lặp lại, hoặc, vào thời điểm kết thúc mỗi chu kỳ trong trường hợp một chu kỳ nhân giống cụ thể.

CHƯƠNG IV

ĐƠN XIN CẤP QUYỀN TÁC GIẢ GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 10. Nộp đơn

(1) [*Nơi nộp đơn đầu tiên*] Tác giả giống cây trồng có thể chọn Bên tham gia để nộp đơn đầu tiên xin cấp quyền tác giả cho cơ quan có thẩm quyền ở đó.

(2) [*Thời gian nộp các đơn tiếp theo*] Tác giả giống cây trồng có thể nộp đơn xin cấp quyền tác giả cho cơ quan có thẩm quyền của Bên tham gia khác mà không cần phải đợi đến khi nhận được quyết định cấp quyền tác giả từ cơ

quan có thẩm quyền của Bên tham gia mà người đó nộp đơn đầu tiên.

(3) [*Tính độc lập của việc bảo hộ*] Không Bên tham gia nào được từ chối cấp quyền tác giả hay hạn chế thời gian bảo hộ quyền tác giả cho một giống cây trồng vì lý do giống đó chưa có đơn xin bảo hộ, bị từ chối bảo hộ hay hết hạn được bảo hộ ở bất kỳ một Quốc gia hay một tổ chức liên chính phủ nào khác.

Điều 11. Quyền ưu tiên

(1) [*Quyền; thời hạn quyền*] Bất kỳ tác giả nào đã nộp đơn xin bảo hộ cho một giống cây trồng theo đúng quy định ở một Bên tham gia (“đơn đầu tiên”), căn cứ vào mục đích của việc nộp đơn xin cấp quyền tác giả đối với giống đó cho cơ quan có thẩm quyền của bất kỳ Bên tham gia nào khác (“đơn tiếp theo”), phải được hưởng quyền ưu tiên trong thời gian 12 tháng. Khoảng thời gian này được tính từ ngày nộp đơn đầu tiên. Ngày nộp đơn không được tính vào khoảng thời gian đó.

(2) [*Yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên*] Để được hưởng quyền ưu tiên, trong đơn tiếp theo, tác giả phải yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên của đơn đầu tiên. Trong khoảng thời gian không dưới ba tháng kể từ ngày nộp đơn tiếp theo, Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn tiếp theo có thể yêu cầu tác giả phải cung cấp bản sao bộ hồ sơ của đơn đầu tiên, được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn đầu tiên, kèm theo mẫu vật hay bằng chứng khác cho thấy rằng đối tượng giống cây trồng của cả hai đơn là một.

(3) [*Tài liệu và mẫu vật*] Tác giả được cho phép khoảng thời gian hai năm sau khi kết thúc giai đoạn ưu tiên hay một khoảng thời gian thích hợp trong trường hợp đơn đầu tiên bị bác bỏ hoặc rút về để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền của Bên tham gia đã nhận đơn tiếp theo của tác giả mọi thông tin, tài liệu hay mẫu vật cần thiết cho mục đích thẩm định như quy định tại Điều 12, theo yêu cầu của luật pháp của Bên tham gia đó.

(4) [*Các sự việc diễn ra trong giai đoạn ưu tiên*] Các sự việc diễn ra trong khoảng thời gian nêu tại khoản (1) như nộp một đơn khác hoặc công bố hoặc sử dụng giống cây trồng là đối tượng của đơn đầu tiên, không phải là lý do để bác bỏ đơn tiếp theo. Những sự việc như vậy cũng không làm phát sinh quyền cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Điều 12. Thẩm định đơn

Mọi quyết định cấp quyền tác giả đều yêu cầu phải thẩm định việc đáp ứng

các điều kiện quy định tại các Điều từ 5 đến 9. Trong quá trình thẩm định, cơ quan có thẩm quyền có thể trực tiếp tiến hành hay yêu cầu tiến hành việc trồng thử giống hoặc các biện pháp thử nghiệm cần thiết khác hay sử dụng kết quả của việc trồng thử giống hoặc các biện pháp thử nghiệm khác đã được tiến hành trước đó. Phục vụ cho mục đích thẩm định, cơ quan thẩm quyền có thể yêu cầu tác giả cung cấp tất cả thông tin, tài liệu hay mẫu vật cần thiết.

Điều 13. Bảo hộ tạm thời

Mỗi Bên tham gia phải quy định các biện pháp nhằm bảo vệ lợi ích của tác giả giống cây trồng trong thời gian từ khi nộp hay công bố đơn xin cấp quyền tác giả đến khi có quyết định cấp quyền. Những biện pháp như vậy có tác dụng đảm bảo cho Chủ sở hữu quyền tác giả tối thiểu được hưởng mức thù lao hợp lý từ bất cứ người nào, trong khoảng thời gian nói trên, đã tiến hành những hoạt động mà phải được tác giả cho phép, sau khi quyền tác giả được cấp, như quy định tại Điều 14. Bên tham gia có thể quy định rằng những biện pháp đó sẽ chỉ được áp dụng đối với những người đã được tác giả thông báo về việc nộp đơn.

CHƯƠNG V

QUYỀN TÁC GIẢ GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 14. Phạm vi Quyền tác giả

(1) *[Các hành vi liên quan tới vật liệu nhân giống]*

(a) Phù hợp với các Điều 15 và 16, những hành vi sau đây liên quan tới vật liệu nhân của giống được bảo hộ phải được sự cho phép của tác giả:

- (i) sản xuất hay nhân giống,
- (ii) xử lý, chế biến để nhân giống,
- (iii) chào bán,
- (iv) bán hay các hình thức thương mại hóa khác,
- (v) xuất khẩu,
- (vi) nhập khẩu,
- (vii) Lưu giữ để phục vụ cho bất kỳ mục đích nào nêu tại các điểm từ (i) đến (vi) ở trên.

(b) Tác giả có thể cho phép nhưng kèm theo các điều kiện và hạn chế nhất

định.

(2) [*Các hành vi liên quan đến vật liệu thu hoạch*] Phù hợp với các Điều 15 và Điều 16, các hành vi được đề cập tại các điểm (i) đến (vii) khoản (1)(a) liên quan đến vật liệu thu hoạch, bao gồm cả cây nguyên vẹn và các phần của cây thu được bằng cách sử dụng bất hợp pháp vật liệu nhân giống của giống cây được bảo hộ, phải được phép của tác giả trừ trường hợp tác giả có cơ hội hợp lý để thực hiện quyền của mình liên quan đến vật liệu nhân nói trên.

(3) [*Các hành vi liên quan đến các sản phẩm nhất định*] Phù hợp với các Điều 15 và Điều 16, mỗi Bên ký kết có thể quy định rằng các hành vi được đề cập tại các điểm từ điểm (i) đến (vii) khoản (1)(a) liên quan đến các sản phẩm được làm trực tiếp từ vật liệu thu hoạch của giống cây đã được bảo hộ thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định tại khoản (2) bằng cách sử dụng bất hợp pháp các vật liệu thu hoạch nói trên phải được phép của tác giả, trừ trường hợp tác giả có cơ hội hợp lý để thực hiện quyền của mình liên quan đến các vật liệu thu hoạch nói trên.

(4) [*Các hành vi có thể bổ sung*] Mỗi Bên tham gia có thể quy định rằng, phù hợp với các Điều 15 và 16, ngoài những hành vi nêu tại các mục từ (i) đến (vii) ở khoản (1)(a) thì các hành vi khác cũng phải được sự cho phép của tác giả.

(5) [*Giống có nguồn gốc cơ bản và một số giống khác*]

(a) Những quy định tại các khoản từ (1) đến (4) cũng được áp dụng với

(i) các giống có nguồn gốc cơ bản từ giống được bảo hộ, trong khi bản thân giống được bảo hộ lại không phải là giống có nguồn gốc cơ bản như vậy,

(ii) các giống không khác biệt rõ với giống được bảo hộ theo Điều 7 và

(iii) các giống để sản xuất thì cần phải sử dụng lại giống được bảo hộ.

(b) Với mục đích nêu tại điểm (a)(i), một giống được coi là có nguồn gốc cơ bản từ một giống khác (“giống ban đầu”) khi

(i) giống này có nguồn gốc chủ yếu từ giống ban đầu hoặc từ một giống khác mà bản thân giống này có nguồn gốc chủ yếu từ giống ban đầu, song vẫn giữ lại biểu hiện của các tính trạng đặc trưng bởi kiểu gen hay tổ hợp các kiểu gen của giống ban đầu,

(ii) có thể phân biệt nó một cách rõ ràng với giống ban đầu và

(iii) ngoại trừ những sự khác biệt là kết quả của quá trình tạo giống, nó đồng dạng với giống ban đầu về những tính trạng căn bản được quy định bởi kiểu gen hay tổ hợp các kiểu gen của giống ban đầu.

(c) Có thể tạo ra giống có nguồn gốc cơ bản bằng cách như lựa chọn một biến dị tự nhiên hay nhân tạo hoặc biến dị dòng soma, chọn một cá thể biến dị từ các cây của giống ban đầu, tiến hành giao ngược hay biến đổi bằng công nghệ gen.

Điều 15. Các ngoại lệ của Quyền tác giả

- (1) [*Các ngoại lệ bắt buộc*] Quyền tác giả không được áp dụng với
- (i) các hành vi được thực hiện mang tính chất cá nhân và vì mục đích phi thương mại,
 - (ii) các hành vi phục vụ cho mục đích thí nghiệm và
 - (iii) các hành vi phục vụ cho mục đích tạo ra các giống khác và các hoạt động nêu tại Điều 14(1) đến (4) liên quan tới các giống này, trừ trường hợp quy định tại Điều 14(5).
- (2) [*Ngoại lệ không bắt buộc*] Mặc dù đã có quy định tại Điều 14, song mỗi Bên tham gia, trong phạm vi giới hạn hợp lý và với mục đích bảo vệ lợi ích chính đáng của tác giả, có thể hạn chế Quyền tác giả liên quan tới bất kỳ giống cây trồng nào nhằm cho phép nông dân sử dụng sản phẩm thu hoạch từ việc trồng giống được bảo hộ hoặc giống tuân theo quy định tại Điều 14(5)(a)(i) hay
- (ii) trên thửa đất của mình cho mục đích nhân giống trên chính thửa đất đó.

Điều 16. Khai thác hết Quyền tác giả

- (1) [*Khai thác hết Quyền tác giả*] Quyền tác giả không bao gồm các hành vi liên quan tới bất kỳ vật liệu nào của giống được bảo hộ hay giống tuân theo quy định tại Điều 14(5) mà đã được bán hay tiêu thụ bởi chính tác giả hoặc với sự cho phép của tác giả trên lãnh thổ của Bên tham gia có liên quan hoặc bất kỳ vật liệu nào được tạo ra từ vật liệu nói trên, trừ khi các hành vi đó
- i. liên quan tới việc tiếp tục nhân giống đang được xem xét hoặc
 - ii. liên quan tới việc xuất khẩu vật liệu (có thể sử dụng để nhân) của giống sang một nước mà không bảo hộ các giống thuộc chi hay loài thực vật trong đó có giống này, trừ khi vật liệu xuất khẩu được sử dụng cho mục đích tiêu dùng cuối cùng.
- (2) [*Nghĩa của từ “vật liệu”*] Căn cứ vào mục đích của khoản (1), “vật liệu”, liên quan tới một giống cây trồng, là

- (i) vật liệu nhân thuộc bất kỳ loại nào,
 - (ii) vật liệu thu hoạch, kể cả toàn bộ cây và các bộ phận của cây, và
 - (iii) bất kỳ sản phẩm nào được làm trực tiếp từ vật liệu thu hoạch.
- (3) [*“Lãnh thổ” trong một số trường hợp*] Với mục đích của khoản (1), tất cả các Bên tham gia là Quốc gia thành viên của cùng một tổ chức liên chính phủ có thể phối hợp, trong trường hợp quy chế của tổ chức đó yêu cầu, để thống nhất hành vi trên lãnh thổ của các Quốc gia thành viên với hành vi trên lãnh thổ riêng của từng Quốc gia và nếu làm như vậy thì họ phải thông báo với Tổng Thư ký.

Điều 17. Các quy định hạn chế việc thực hiện Quyền tác giả

(1) [*Lợi ích của công chúng*] Trừ khi được quy định trong Công ước này, không Bên tham gia nào được hạn chế việc tự do thực hiện Quyền tác giả vì bất cứ lý do gì khác ngoài những lý do vì lợi ích của công chúng.

(2) [*Thù lao hợp lý*] Khi một quy định hạn chế như vậy được áp dụng để cho phép bên thứ ba thực hiện bất kỳ hành vi nào mà phải có sự cho phép của tác giả thì Bên tham gia có liên quan phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo cho tác giả nhận được mức thù lao hợp lý.

Điều 18. Các biện pháp điều chỉnh thương mại

Quyền tác giả phải độc lập với mọi biện pháp do Bên tham gia tiến hành để điều chỉnh các hoạt động sản xuất, cấp chứng chỉ và đưa ra thị trường vật liệu giống cây trồng trong phạm vi lãnh thổ của mình hay nhập khẩu và xuất khẩu vật liệu đó. Trong mọi trường hợp, những biện pháp như vậy không được ảnh hưởng tới việc áp dụng các quy định của Công ước này.

Điều 19. Thời hạn Quyền tác giả

(1) [*Thời hạn bảo hộ*] Quyền tác giả có thời hạn sử dụng cố định.

(2) [*Thời hạn tối thiểu*] Thời hạn nói trên không được dưới 20 năm kể từ ngày cấp Quyền tác giả. Đối với các loại cây thân gỗ và cây leo thân gỗ, thời hạn đó không được dưới 25 năm kể từ ngày cấp Quyền tác giả.

CHƯƠNG VI

TÊN GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 20. Tên giống cây trồng

(1) [*Xác định giống bằng tên gọi; sử dụng tên giống*]

(a) Giống cây trồng phải được xác định bởi một tên gọi chung cho cả quần thể cây trồng thuộc giống đó.

(b) Phù hợp với khoản (4), mỗi Bên tham gia phải đảm bảo rằng các quyền về xác định giống để đăng ký theo tên gọi không được cản trở việc tự do sử dụng tên gọi gắn với giống cây trồng đó, kể cả sau khi hết hạn Quyền tác giả.

(2) [*Đặc điểm của tên giống*] Tên giống phải cho phép nhận diện giống. Nó không chỉ bao gồm các con số, trừ khi các con số được hình thành trên thực tế để chỉ ra giống cây trồng đó. Tên gọi không được gây ra hiểu lầm hay lẫn lộn về các tính trạng, giá trị hay danh tính của giống hoặc danh tính của tác giả. Đặc biệt, nó phải khác với mọi tên gọi của giống hiện tại thuộc một loài có quan hệ gần hay thuộc cùng một loài với giống đó trên lãnh thổ của bất kỳ Bên tham gia nào.

(3) [*Đăng ký tên giống*] Tác giả phải nộp đơn xin đăng ký tên giống với cơ quan có thẩm quyền. Nếu thấy tên giống không đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản (2), cơ quan có thẩm quyền từ chối cấp đăng ký và yêu cầu tác giả đề xuất một tên khác trong thời hạn quy định. Cơ quan có thẩm quyền sẽ cấp đăng ký tên giống, đồng thời cấp Quyền tác giả cho giống đó.

(4) [*Các quyền đã có từ trước của bên thứ ba*] Không được làm ảnh hưởng tới các quyền đã có từ trước của bên thứ ba. Nếu vì quyền đã có từ trước mà việc sử dụng tên giống bị cấm đối với người phải sử dụng tên gọi đó theo quy định tại khoản (7), cơ quan có thẩm quyền phải yêu cầu tác giả đệ trình một tên khác cho giống này.

(5) [*Sử dụng cùng tên giống ở tất cả các Bên tham gia*] Một giống phải được đăng ký với tất cả các Bên tham gia dưới cùng một tên. Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên tham gia sẽ cấp đăng ký cho tên đó, trừ khi xét thấy nó không phù hợp trên lãnh thổ của mình. Trong trường hợp không chấp nhận, cơ quan có thẩm quyền phải yêu cầu tác giả đăng ký một tên khác.

(6) [*Chia sẻ thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham gia*] Cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên tham gia phải đảm bảo cho các cơ quan có thẩm quyền của tất cả các Bên tham gia khác được thông báo về những

vấn đề liên quan tới tên giống, đặc biệt là việc đệ trình, đăng ký và hủy tên giống. Bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào cũng được phép gửi ý kiến nhận xét, nếu có, về việc đăng ký tên giống tới cơ quan có thẩm quyền đã thông báo tên giống đó.

(7) [*Nghĩa vụ sử dụng tên giống*] Bất kỳ người nào trên lãnh thổ của một trong các Bên tham gia Công ước chào bán hay đưa ra thị trường vật liệu nhân của giống được bảo hộ trên lãnh thổ đó phải có nghĩa vụ sử dụng đúng tên giống, kể cả sau khi hết hạn Quyền tác giả, trừ khi, theo quy định tại khoản (4), các quyền đã có từ trước ngăn cản việc sử dụng tên giống này.

(8) [*Các chỉ dẫn được sử dụng kèm theo tên giống*] Khi một giống được chào bán hay đưa ra thị trường, phải cho phép kết hợp tên giống đã đăng ký với nhãn hiệu, tên thương mại hay các chỉ dẫn khác tương tự. Khi có sự kết hợp như vậy, phải đảm bảo tên giống vẫn dễ nhận biết.

CHƯƠNG VII

HỦY BỎ VÀ ĐÌNH CHỈ QUYỀN TÁC GIẢ GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 21. Hủy bỏ Quyền tác giả

(1) [*Lý do hủy bỏ*] Mỗi Bên tham gia phải tuyên bố Quyền tác giả do chính họ cấp bị hủy bỏ khi chứng minh được rằng

(i) những điều kiện quy định tại các Điều 6 và 7 không được đáp ứng vào thời điểm cấp Quyền tác giả,

(ii) trong trường hợp việc cấp Quyền tác giả chủ yếu dựa trên những thông tin và tài liệu do tác giả cung cấp, những điều kiện quy định tại các Điều 8 và 9 không được đáp ứng vào thời điểm cấp Quyền tác giả, hoặc

(iii) Quyền tác giả được cấp cho người không được phép hưởng quyền đó, trừ khi quyền tác giả được chuyển sang cho người được phép hưởng quyền như vậy.

(2) [*Loại trừ các lý do khác*] Không có lý do nào khác ngoài những lý do nêu tại khoản (1) khiến cho Quyền tác giả bị tuyên bố vô hiệu.

Điều 22. Đình chỉ Quyền tác giả

(1) [*Lý do đình chỉ*] (a) Mỗi Bên tham gia có thể đình chỉ Quyền tác giả do chính họ cấp nếu chứng minh được rằng những điều kiện quy định tại các

Điều 8 và 9 không còn được đáp ứng nữa.

(b) Ngoài ra, mỗi Bên tham gia cũng có thể đình chỉ Quyền tác giả do chính họ cấp nếu, sau khi được yêu cầu làm như vậy và trong thời hạn quy định,

- (i) tác giả không cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền những thông tin, tài liệu hay mẫu vật

được coi là cần thiết để xác minh việc duy trì giống,

- (ii) tác giả không trả các khoản phí theo yêu cầu để duy trì quyền của mình, hoặc

(iii) tác giả không đề xuất một tên khác phù hợp trong trường hợp tên giống bị đình chỉ sau khi cấp Quyền tác giả.

(2) [*Loại trừ các lý do khác*] Không có lý do nào khác ngoài những lý do nêu tại khoản (1) khiến cho quyền tác giả bị đình chỉ.

CHƯƠNG VIII HIỆP HỘI

Điều 23. Thành viên

Các Bên tham gia là thành viên của Hiệp hội.

Điều 24. Tư cách pháp lý và Trụ sở

- (1) [*Tư cách pháp nhân*] Hiệp hội có tư cách pháp nhân.

(2) [*Điều kiện pháp lý*] Hiệp hội có các năng lực pháp lý cần thiết trên lãnh thổ của mỗi Bên tham gia và phù hợp với luật pháp hiện hành trên lãnh thổ đó để đạt được các mục tiêu cũng như thực hiện các chức năng của Hiệp hội.

- (3) [*Trụ sở*] Trụ sở và các cơ quan thường trực của Hiệp hội đóng tại Gionevơ.

- (4) [*Thỏa thuận về Trụ sở*] Hiệp hội có thỏa thuận về Trụ sở với Liên bang Thụy sĩ.

Điều 25 Các cơ quan

Các cơ quan thường trực của Hiệp hội là Hội đồng và Văn phòng Hiệp hội.

Điều 26. Hội đồng

(1) [*Thành phần*] Hội đồng bao gồm các đại diện cho các thành viên của Hiệp hội. Mỗi thành viên của Hiệp hội chỉ định một đại diện tham gia vào Hội đồng và một người thay thế. Các vị đại diện hay người thay thế được phép kèm theo trợ lý hoặc cố vấn.

(2) [*Cán bộ*] Hội đồng bầu ra Chủ tịch và Phó Chủ tịch thứ nhất từ các thành viên của mình. Hội đồng có thể bầu các Phó Chủ tịch khác. Phó Chủ tịch thứ nhất sẽ thay vị trí của Chủ tịch nếu Chủ tịch không thể thực thi chức trách của mình. Chủ tịch có nhiệm kỳ ba năm.

(3) [*Các phiên họp*] Hội đồng họp khi có lệnh triệu tập của Chủ tịch. Thông thường, kỳ họp chính thức của Hội đồng được tổ chức mỗi năm một lần. Ngoài ra, Chủ tịch có thể triệu tập Hội đồng theo ý mình; Chủ tịch phải triệu tập Hội đồng trong thời hạn ba tháng nếu một phần ba số thành viên của Hiệp hội yêu cầu.

(4) [*Quan sát viên*] Các Quốc gia không phải là thành viên của Hiệp hội có thể được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng với tư cách là quan sát viên. Các quan sát viên khác cũng như các chuyên gia khác cũng có thể được mời tham dự các cuộc họp này.

(5) [*Nhiệm vụ*] Hội đồng có các nhiệm vụ sau đây:

- (i) nghiên cứu các biện pháp phù hợp để bảo vệ lợi ích và khuyến khích sự phát triển của Hiệp hội;
- (ii) đề ra các quy tắc về thủ tục;
- (iii) bổ nhiệm Tổng Thư ký và, nếu thấy cần thiết, một Phó Tổng Thư ký và quyết định các điều khoản bổ nhiệm cho từng vị trí;
- (iv) thẩm tra báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm cũng như đề ra chương trình công tác trong thời gian tới của Hiệp hội;
- (v) đề ra tất cả những chỉ dẫn cần thiết cho Tổng Thư ký để hoàn thành các nhiệm vụ của Hiệp hội;
- (vi) đề ra các quy chế về hành chính và tài chính của Hiệp hội;
- (vii) kiểm tra, phê duyệt ngân sách của Hiệp hội và ấn định mức đóng góp của từng thành viên trong Hiệp hội;
- (viii) kiểm tra và phê duyệt các bản quyết toán do Tổng Thư ký trình;
- (ix) ấn định thời gian, địa điểm tổ chức các hội nghị nêu tại Điều 38 và tiến

hành các biện pháp chuẩn bị cần thiết cho các sự kiện đó; và

(x) nói chung, đưa ra tất cả các quyết định cần thiết để đảm bảo cho Hiệp hội hoạt động hiệu quả.

(6) [*Biểu quyết*] (a) Mỗi Quốc gia thành viên của Hiệp hội được một phiếu biểu quyết trong Hội đồng.

(b) Bất kỳ Bên tham gia nào là một tổ chức liên chính phủ đều có thể thực hiện quyền biểu quyết của các Quốc gia thành viên của tổ chức mà cũng là thành viên của Hiệp hội đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của tổ chức. Tổ chức không được thực hiện quyền biểu quyết của các Quốc gia thành viên của mình nếu các Quốc gia đó thực hiện quyền này và ngược lại.

(7) [*Nguyên tắc đa số*] Mọi quyết định của Hội đồng đều phải được đa số thành viên biểu quyết nhất trí, riêng các quyết định của Hội đồng nêu tại các khoản (5)(ii), (vi) và (vii) và các Điều 28(3), 29(5)(b) và 38(1) đòi hỏi phải có ba phần tư số thành viên biểu quyết nhất trí. Các phiếu trắng không được tính.

Điều 27. Văn phòng Hiệp hội

(1) [*Nhiệm vụ và điều hành Văn phòng*] Văn phòng Hiệp hội phải thực thi tất cả các nhiệm vụ và chức năng vụ do Hội đồng giao phó. Văn phòng hoạt động dưới sự điều hành của Tổng Thư ký.

(2) [*Nhiệm vụ của Tổng Thư ký*] Tổng Thư ký chịu trách nhiệm trước Hội đồng và có trách nhiệm thực thi các quyết định của Hội đồng. Tổng Thư ký phải trình ngân sách của Hiệp hội để Hội đồng phê duyệt và có trách nhiệm thực hiện. Tổng Thư ký phải báo cáo với Hội đồng về công tác quản lý, điều hành, các hoạt động và tình hình tài chính của Hiệp hội.

(3) [*Nhân viên*] Phù hợp với quy định tại Điều 26(5)(iii), điều kiện bổ nhiệm và tuyển dụng nhân viên để đảm bảo thực thi tốt nhiệm vụ của Văn phòng Hiệp hội phải được quy định trong quy chế hành chính và tài chính.

Điều 28. Ngôn ngữ

(1) [*Ngôn ngữ sử dụng trong Văn phòng*] Ngôn ngữ mà Văn phòng Hiệp hội sử dụng khi thực thi nhiệm vụ là tiếng Anh, Pháp, Đức và Tây Ban Nha.

- (2) [*Ngôn ngữ trong một số cuộc họp*] Các cuộc họp của Hội đồng và các hội nghị sửa đổi Công ước được tổ chức bằng cả bốn thứ tiếng nêu trên.
- (3) [*Các ngôn ngữ bổ sung*] Hội đồng có thể quyết định sử dụng thêm các ngôn ngữ khác.

Điều 29. Tài chính

- (1) [*Thu nhập*] Nguồn kinh phí để đáp ứng các khoản chi tiêu của Hiệp hội là từ
- (i) các khoản đóng góp hàng năm của các Quốc gia thành viên Hiệp hội,
 - (ii) các khoản thu từ việc cung cấp dịch vụ,
 - (iii) các khoản thu khác.
- (2) [*Các khoản đóng góp: đơn vị*]
- (a) Mức đóng góp của mỗi Quốc gia thành viên Hiệp hội trong tổng số kinh phí đóng góp hàng năm được xác định căn cứ vào tổng mức chi phải đáp ứng từ kinh phí đóng góp của các Quốc gia thành viên và số đơn vị đóng góp áp dụng cho Quốc gia đó theo quy định tại khoản (3). Tỷ lệ đó được tính theo quy định tại khoản (4).
- (b) Số đơn vị đóng góp được biểu thị bằng số nguyên hay phân số với điều kiện là không có phân số nào nhỏ hơn một phần năm.
- (3) [*Các khoản đóng góp: mức đóng góp của mỗi thành viên*]
- (a) Số đơn vị đóng góp áp dụng cho bất kỳ thành viên nào của Hiệp hội đã tham gia Văn kiện 1961/1972 hay Văn kiện 1978 vào ngày trở thành thành viên của Công ước này cũng chính là số đơn vị đóng góp áp dụng cho thành viên này ngay trước ngày đó.
- (b) Bất kỳ Quốc gia thành viên nào khác của Hiệp hội khi tham gia phải nêu rõ số đơn vị đóng góp của mình trong bản tuyên bố gửi Tổng Thư ký.
- (c) Bất kỳ Quốc gia thành viên nào của Hiệp hội, vào bất kỳ một thời điểm nào, có thể đưa ra trong bản tuyên bố gửi Tổng Thư ký số đơn vị đóng góp khác với số đơn vị đóng góp áp dụng cho Quốc gia này theo quy định tại điểm (a) hay điểm (b). Nếu được đưa ra trong sáu tháng đầu năm thì tuyên bố đó sẽ có hiệu lực từ đầu năm tiếp theo hoặc từ đầu năm thứ hai sau năm tuyên bố được đưa ra.

(4) [*Các khoản đóng góp: tính toán mức đóng góp*]

(a) Đối với từng giai đoạn ngân sách, số kinh phí tương ứng với một đơn vị đóng góp được xác định bằng cách chia tổng mức chi tiêu phải đáp ứng trong giai đoạn đó từ kinh phí đóng góp của các Quốc gia thành viên Hiệp hội cho tổng số đơn vị đóng góp của các Quốc gia thành viên này.

(b) Số kinh phí đóng góp của mỗi Quốc gia thành viên Hiệp hội được xác định bằng cách nhân số kinh phí tương ứng của một đơn vị đóng góp với số đơn vị đóng góp áp dụng cho Quốc gia thành viên đó.

(5) [*Nợ các khoản đóng góp*]

(a) Phù hợp với điểm (b), Quốc gia thành viên Hiệp hội còn nợ các khoản đóng góp thì không được thực hiện quyền biểu quyết trong Hội đồng nếu số tiền nợ đó bằng hoặc vượt quá số tiền đóng góp đến hạn mà Quốc gia này phải trả cho cả năm trước. Mặc dù bị tạm thời đình chỉ quyền biểu quyết, song Quốc gia thành viên đó vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình cũng như vẫn được hưởng tất cả các quyền khác theo quy định của Công ước.

(b) Hội đồng có thể cho phép Quốc gia thành viên nói trên tiếp tục thực hiện quyền biểu quyết nếu, và chừng nào Hội đồng thấy rằng việc chậm nộp kinh phí thực sự là vì lý do khách quan đặc biệt và không thể tránh khỏi.

(6) [*Kiểm toán tài chính*] Việc kiểm toán tài chính của Hiệp hội do một Quốc gia thành viên Hiệp hội thực hiện theo quy chế hành chính và tài chính. Quốc gia thành viên đó do Hội đồng chỉ định với sự đồng ý của chính Quốc gia này.

(7) [*Đóng góp của các tổ chức liên chính phủ*] Bất kỳ tổ chức liên chính phủ nào tham gia Công ước đều không có nghĩa vụ đóng góp kinh phí. Tuy nhiên, nếu tổ chức nào muốn đóng góp thì phải tuân theo quy định phù hợp tại các khoản từ (1) đến (4).

CHƯƠNG IX

THỰC THI CÔNG ƯỚC; CÁC THỎA THUẬN KHÁC

Điều 30. Thực thi Công ước

(1) [*Các biện pháp thực thi*] Mỗi Bên tham gia phải áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết

để thực thi Công ước này; cụ thể, Bên tham gia phải:

(i) đưa ra các chế tài pháp lý phù hợp để đảm bảo thực thi có hiệu quả quyền của tác giả giống cây trồng;

(ii) duy trì một cơ quan có thẩm quyền với nhiệm vụ cấp Quyền tác giả hoặc giao nhiệm vụ này cho cơ quan có thẩm quyền của một Bên tham gia khác;

(iii) đảm bảo công bố định kỳ để dân chúng được biết thông tin về

- các đơn xin cấp cũng như việc cấp Quyền tác giả, và
- các tên giống được đề xuất và phê duyệt.

(2) [*Luật pháp phù hợp với Công ước*] Khi trình văn bản phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hay gia nhập Công ước, tùy trường hợp, mỗi Quốc gia hay tổ chức liên chính phủ phải có đủ điều kiện để đảm bảo thực thi có hiệu quả các quy định của Công ước này trong khuôn khổ pháp luật của mình.

Điều 31.

Quan hệ giữa các Bên tham gia Công ước và các Quốc gia tham gia các Văn kiện trước đây của Công ước

(1) [*Mối quan hệ giữa các Quốc gia tham gia Công ước này*] Mối quan hệ giữa các Quốc gia thành viên Hiệp hội tham gia cả Công ước này và bất kỳ Văn kiện nào trước đây của Công ước chỉ tuân theo Công ước này.

(2) [*Mối quan hệ nếu có với các Quốc gia không tham gia Công ước này*] Bất kỳ Quốc gia thành viên nào của Hiệp hội mà không tham gia Công ước này có thể tuyên bố trong thông báo gửi Tổng Thư ký rằng Quốc gia đó sẽ áp dụng Văn kiện cuối cùng mà nó tham gia trong mối quan hệ với mỗi thành viên Hiệp hội chỉ tham gia Công ước này. Trong thời gian từ khi kết thúc thời hạn một tháng sau ngày gửi thông báo đến khi Quốc gia thành viên ra tuyên bố như vậy tham gia Công ước này, Quốc gia thành viên đó phải áp dụng Văn kiện cuối cùng mà nó tham gia trong mối quan hệ với mỗi thành viên Hiệp hội chỉ tham gia Công ước này, ngược lại thành viên của Công ước này phải áp dụng Công ước trong mối quan hệ giữa hai bên.

Điều 32. Các thỏa thuận đặc biệt

Các thành viên của Hiệp hội được bảo lưu quyền ký kết các thỏa thuận đặc

biệt giữa họ với nhau về bảo hộ giống cây trồng miễn là các thỏa thuận đó không vi phạm các quy định của Công ước này.

CHƯƠNG X

CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 33 Ký kết

Công ước này được bỏ ngỏ để bất kỳ Quốc gia nào là thành viên của Hiệp hội ký kết tham gia kể từ ngày được thông qua. Thời hạn bỏ ngỏ của Công ước được duy trì đến ngày 31 tháng 3 năm 1992.

Điều 34. Phê chuẩn, chấp thuận hay thông qua; gia nhập

(1) [*Các Quốc gia và một số tổ chức liên chính phủ*]

- (a) Theo quy định tại Điều này, bất kỳ Quốc gia nào cũng có thể tham gia Công ước.
- (b) Theo quy định tại Điều này, bất kỳ tổ chức liên chính phủ nào cũng có thể tham gia Công ước nếu tổ chức đó
 - (i) có năng lực giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước,
 - (ii) có hệ thống pháp luật riêng cho việc cấp và bảo vệ Quyền tác giả mang tính ràng buộc đối với tất cả các Quốc gia thành viên, và
 - (iii) đã được cho phép một cách hợp lệ theo đúng quy trình, thủ tục nội bộ để gia nhập Công ước.

(2) [*Văn bản tham gia*] Bất kỳ Quốc gia nào đã ký Công ước này sẽ trở thành thành viên của Công ước khi trình văn bản phê chuẩn, chấp thuận hay thông qua Công ước. Bất kỳ Quốc gia nào chưa ký Công ước này và bất kỳ tổ chức liên chính phủ nào cũng có thể trở thành thành viên của Công ước nếu trình văn bản gia nhập Công ước. Phải trình các văn bản phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hay gia nhập Công ước cho Tổng Thư ký.

(3) [*Ý kiến tư vấn của Hội đồng*] Bất kỳ Quốc gia nào không phải là thành viên của Hiệp hội và bất kỳ tổ chức liên chính phủ nào, trước khi trình văn bản gia nhập Công ước, phải đề nghị Hội đồng cho ý kiến tư vấn về tính phù hợp

của luật pháp của mình với các quy định của Công ước. Nếu quyết định dựa trên ý kiến tư vấn này mang tính tích cực thì có thể trình văn bản gia nhập.

Điều 35. Các ý kiến bảo lưu

(1) [*Nguyên tắc*] Phù hợp với khoản (2), không cho phép các ý kiến bảo lưu đối với Công ước này.

(2) [*Các ngoại lệ có thể chấp nhận*]

(a) Tuy đã có quy định tại Điều 3(1), song bất kỳ Quốc gia nào, vào thời điểm gia nhập Công ước này vẫn tham gia Văn kiện 1978 và bảo hộ các giống cây trồng sinh sản vô tính dưới hình thức quyền sở hữu công nghiệp thay vì Quyền tác giả, được phép tiếp tục làm như vậy mà không phải áp dụng Công ước này đối với các giống cây trồng đó.

(b) Bất kỳ Quốc gia nào sử dụng quyền nói trên phải thông báo với Tổng Thư ký vào thời điểm trình văn bản phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hay gia nhập, tùy trường hợp. Chính Quốc gia đó có thể rút lại thông báo này vào bất cứ thời điểm nào.

Điều 36.

Thông báo về pháp luật cũng như các chi và loài cây trồng được bảo hộ; công bố thông tin

(1) [*Thông báo ban đầu*] Khi nộp văn bản phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hay gia nhập Công ước, tùy trường hợp, bất kỳ Quốc gia hay tổ chức liên chính phủ nào cũng phải thông báo với Tổng Thư ký về

(i) hệ thống pháp luật điều chỉnh Quyền tác giả giống cây trồng ở Quốc gia hay tổ chức đó,

(ii) danh sách các chi và loài cây trồng mà Quốc gia hay tổ chức đó sẽ bảo hộ theo quy định của Công ước này kể từ ngày gia nhập Công ước.

(2) [*Thông báo về những sự thay đổi*] Mỗi Bên tham gia phải thông báo ngay với Tổng Thư ký về

- (i) mọi sự thay đổi trong hệ thống pháp luật điều chỉnh Quyền tác giả giống cây trồng và
 - (ii) mọi trường hợp mở rộng việc áp dụng Công ước này cho các chi và loài cây trồng bổ sung.
- (3) [*Công bố thông tin*] Dựa trên những thông báo nhận được từ mỗi Bên tham gia có liên quan, Tổng Thư ký phải công bố các thông tin về
- (i) hệ thống pháp luật điều chỉnh Quyền tác giả giống cây trồng cũng như mọi thay đổi trong hệ thống pháp luật đó, và
 - (ii) danh sách các chi và loài cây trồng được đề cập tại khoản (1)(ii) và mọi trường hợp mở rộng việc áp dụng Công ước được đề cập tại khoản (2)(ii).

Điều 37.

Hiệu lực thi hành; kết thúc việc gia nhập các Văn kiện trước đây của Công ước

(1) [*Hiệu lực ban đầu*] Công ước này sẽ có hiệu lực thi hành một tháng sau khi có năm Quốc gia trình văn bản phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hay gia nhập, tùy trường hợp, miễn là có ít nhất ba văn bản nói trên đã được trình bởi các Quốc gia tham gia Văn kiện 1961/1972 hay Văn kiện 1978.

(2) [*Hiệu lực tiếp theo*] Bất kỳ Quốc gia nào không được quy định tại khoản (1) hay bất kỳ tổ chức liên chính phủ nào cũng sẽ trở thành thành viên của Công ước này một tháng sau ngày trình văn bản phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hay gia nhập Công ước, tùy trường hợp.

(3) [*Kết thúc việc gia nhập Văn kiện 1978*] Không được trình văn bản gia nhập Văn kiện 1978 sau khi Công ước này có hiệu lực thi hành theo khoản (1), trừ trường hợp một Quốc gia mà theo thông lệ đã được xác lập của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc được coi là nước đang phát triển có thể trình văn bản gia nhập trước ngày 31 tháng 12 năm 1995 và bất kỳ một Quốc gia nào khác cũng có thể trình văn bản này trước ngày 31 tháng 12 năm 1993 kể cả khi Công ước này đã có hiệu lực thi hành trước ngày đó.

Điều 38. Sửa đổi Công ước

(1) [*Hội nghị*] Có thể sửa đổi Công ước này tại hội nghị thành viên của Hiệp hội. Việc triệu tập hội nghị này phải do Hội đồng quyết định.

(2) [*Số đại biểu tối thiểu và nguyên tắc đa số*] Hội nghị chỉ được tiến hành khi có ít nhất một nửa số Quốc gia thành viên Hiệp hội tham dự. Việc thông qua bất kỳ một nội dung sửa đổi nào trong Công ước đòi hỏi phải có tối thiểu ba phần tư số Quốc gia thành viên Hiệp hội tham dự và biểu quyết tại hội nghị.

Điều 39. Bãi ước

(1) [*Thông báo*] Bất kỳ Bên tham gia nào cũng có thể tuyên bố bãi ước Công ước này bằng việc gửi thông báo cho Tổng Thư ký. Tổng Thư ký phải lập tức thông báo với tất cả các thành viên Hiệp hội sau khi nhận được thông báo đó.

(2) [*Các Văn kiện trước đây*] Khi một thành viên thông báo bãi ước Công ước này thì cũng có nghĩa là bãi ước bất kỳ Văn kiện nào trước đây của Công ước mà Bên đó tham gia.

(3) [*Ngày bãi ước có hiệu lực*] Việc bãi ước sẽ có hiệu lực vào cuối năm tiếp theo năm Tổng Thư ký nhận được thông báo bãi ước.

(4) [*Các quyền đã được cấp*] Việc bãi ước không ảnh hưởng tới bất cứ quyền nào đã được cấp đối với một giống cây trồng theo Công ước này hay bất kỳ Văn kiện nào trước đây của Công ước trước ngày bãi ước có hiệu lực.

Điều 40. Bảo toàn các quyền hiện có

Công ước này không hạn chế các quyền hiện có của tác giả giống cây trồng theo luật của các Bên tham gia hoặc bất kỳ Văn kiện nào trước đây của Công ước hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác Công ước này mà các thành viên Hiệp hội đã ký kết với nhau.

Điều 41. Các văn bản gốc và chính thức của Công ước

(1) [*Văn bản gốc*] Công ước này được ký với một bản gốc duy nhất bằng

tiếng Anh, Pháp và Đức, trong đó bản tiếng Pháp được sử dụng làm căn cứ khi có sự không thống nhất giữa các văn bản này. Bản gốc được nộp lưu chiểu cho Tổng Thư ký.

(2) [*Văn bản chính thức*] Sau khi tham khảo ý kiến của Chính phủ các nước liên quan, Tổng Thư ký đưa ra văn bản chính thức của Công ước này bằng tiếng Ả-rập, Hà Lan, I-ta-lia, Nhật, Tây Ban Nha và các ngôn ngữ khác do Hội đồng chỉ định.

Điều 42. Chức năng lưu chiểu

(1) [*Chuyển phát các bản sao*] Tổng Thư ký phải chuyển bản sao được xác nhận của Công ước này tới tất cả các Quốc gia và tổ chức liên chính phủ tham dự Hội nghị cấp cao đã thông qua Công ước cũng như tới bất kỳ Quốc gia hay tổ chức liên chính phủ nào khác theo yêu cầu của họ.

(2) [*Đăng ký*] Tổng Thư ký phải đăng ký Công ước này với Ban Thư ký của Liên Hợp Quốc.